

Phụ lục IV
Appendix IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*
*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)*

**CÔNG TY CP SỮA QUỐC
TẾ**
IDP JSC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 2004/IDP
No: 2004/IDP

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2022
Hanoi, 20th April 2022

ANNUAL REPORT
Báo cáo Thường niên năm .

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA QUỐC TẾ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.: 0500463609
- Vốn điều lệ/Charter capital: 589.454.720.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital:
- Địa chỉ/Address: Km 29, Quốc lộ 6, Xã Trường Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại/Telephone:
- Số fax/Fax:
- Website: <http://idp.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): IDP
- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến

nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

✓ **2014** : Tổng số cổ phần tại Công ty là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) cổ phần, trong đó nhà đầu tư quốc tế mua lại 17.500.000 (Mười bảy triệu năm trăm) cổ phần. Số cổ phần còn lại đã được sở hữu từ trước đó bởi các nhà đầu tư quốc tế khác

✓ **2020** : Tăng vốn điều lệ công ty từ 526.450.600.000 (Năm trăm hai mươi sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu sáu trăm ngàn) đồng lên 589.454.720.000 (Năm trăm tám mươi chín tỷ bốn trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn) đồng.

- Các sự kiện khác/Other events: Không có

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years): Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa

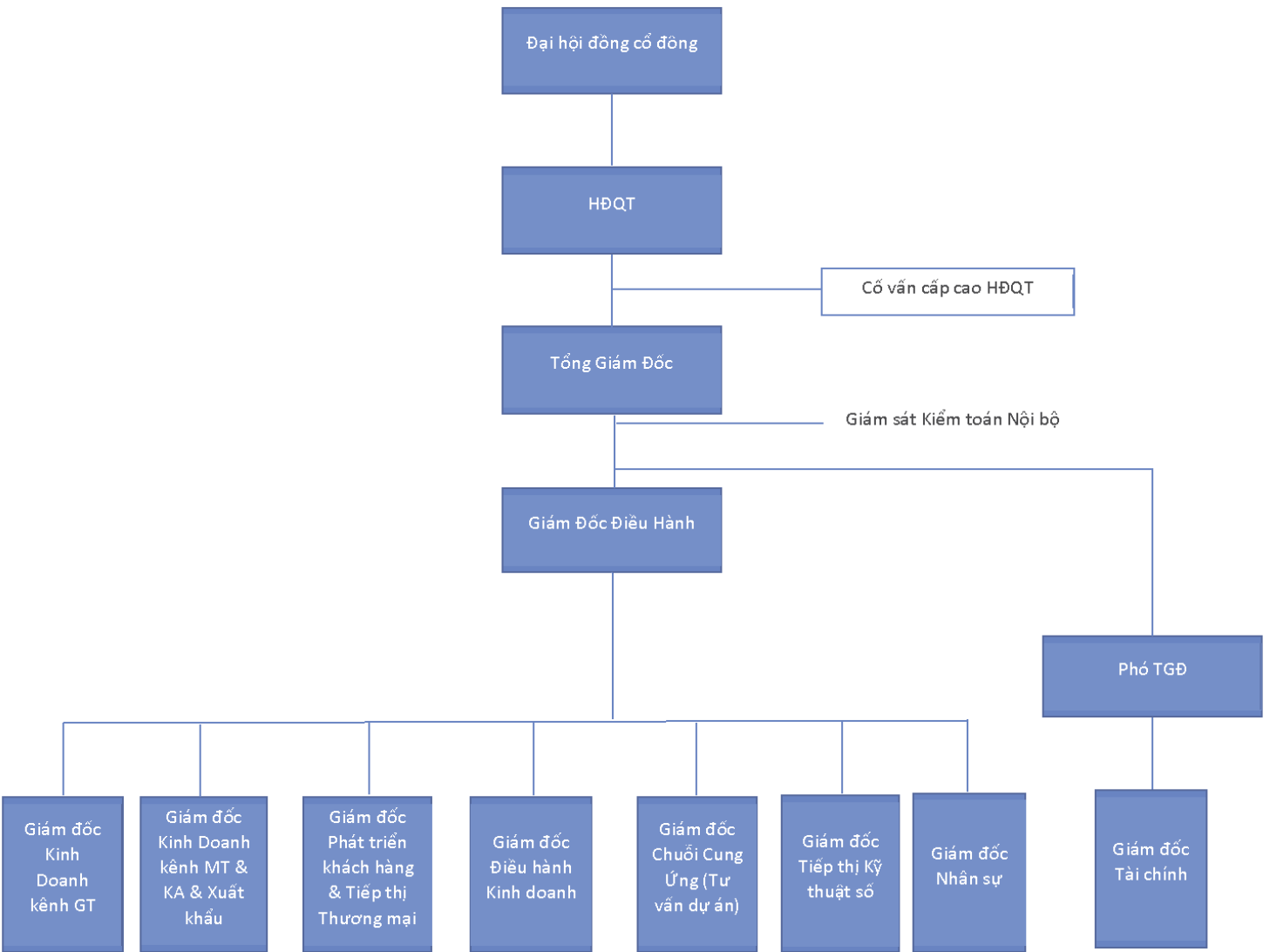
- Địa bàn kinh doanh/Location of business: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years): Toàn quốc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises).

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure



II. Tình hình hoạt động trong năm/*Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/*Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- Năm 2021, IDP ghi nhận 4.827 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 991 tỷ đồng tương đương 26% so với năm 2020.
- Lợi nhuận gộp năm 2021 đạt 2.083 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2020. Tỷ suất lợi nhuận biên của IDP đạt 21 năm 2021.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 1.038 tỷ đồng, tăng 91% và lợi nhuận trước thuế đạt 1.042 tỷ đồng, tăng tương đương 91%.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 823 tỷ đồng, tăng 321 tỷ đồng so với năm 2020.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years*: Năm 2021, Công ty CP Sữa Quốc Tế ghi nhận 4.827 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 991 tỷ đồng tương đương 26% so với năm 2020. Nhưng chi phí bán hàng chỉ tăng 2% so với cùng kỳ. Lợi nhuận gộp năm 2021 đạt 2.083 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2020. Do ảnh hưởng tăng doanh thu từ việc tăng mức đóng góp của các ngành hàng có lợi nhuận cao, giảm chi phí gia công bên ngoài và tiết kiệm chi phí bán hàng được 225 tỷ so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 823 tỷ đồng, tăng 321 tỷ đồng so với năm 2020 là do năm 2020 Công ty CP Sữa Quốc Tế còn được khấu trừ từ lỗ lũy kế các năm trước nên số thuế TNDN phải nộp năm 2020 chỉ là 44 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự/*Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Management*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.*

- Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ
Đặng Phạm Minh Loan	Tổng Giám đốc
Phạm Trọng Bảo Châu	Giám Đốc Điều hành
Chu Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc
Phan Văn Thắng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

• Sơ yếu lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

1. Bà Đặng Phạm Minh Loan - Thành viên Hội đồng Quản trị - kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Đặng Phạm Minh Loan
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 18/3/1977
- Nơi sinh : Nam Định
- Số Hộ chiếu: 024326432
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 29 Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Quận Gò Vấp TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 08/2005 đến 07/2010 Phó giám đốc điều hành công ty VinaCapital
 - ✓ Từ 07/2010 đến 2020 Phó tổng Giám Đốc điều hành VinaCapital
 - ✓ Từ 03/2012 đến 08/2015 Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hòa Phát
 - ✓ Từ 11/2014 đến 03/2019 Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Sữa Quốc Tế
 - ✓ Từ tháng 03/2019 đến nay Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty cổ phần Sữa Quốc Tế
 - ✓ Từ 03/2012 đến nay Tổng Giám đốc công ty cổ phần Yến Việt
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty cổ phần Sữa Quốc Tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Yến Việt
- Tổng số CP nắm giữ: 2.947.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,00% vốn điều lệ
- ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- ✓ Cá nhân sở hữu: 2.947.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,00% vốn điều lệ
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

2. Ông Phạm Trọng Bảo Châu – Giám đốc Điều hành

- Họ và tên: Phạm Trọng Bảo Châu
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/10/1972
- Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 079072005336
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 373 Điện Biên Phủ, phường 4, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2003 đến 2008: Giám đốc tiếp thị - PepsiCo Vietnam
 - ✓ Từ 2016 đến 2017: Giám đốc phát triển kinh doanh – TH Group
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc Điều hành
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ

✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3. Ông Phan Văn Thắng - Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

- Họ và tên: Phan Văn Thắng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/08/1978
- Nơi sinh: Nghệ An

- Số CMND: 281185788
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Phú 1, Phường Tân Bình, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 03/2003 đến 01/2010: Kế toán trưởng -CTCP Chăn nuôi C.P Việt Nam
 - ✓ Từ 02/2010 đến 10/2014: Kế toán trưởng- CTCP Thực phẩm Á Châu
 - ✓ Từ 11/2014 đến nay: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng - CTCP Sữa Quốc Tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Tổng số CP nắm giữ: 1.225.498 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,08% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 1.225.498 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,08% vốn điều lệ
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 - Những thay đổi trong ban điều hành: Không có
 - Số lượng cán bộ, nhân viên.
 - Số lượng NV: 1.656 NV.
 - Các chính sách hiện hành của Công ty: BHXH/BHYT/TN, Bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên, điều chỉnh lương hằng năm, thưởng theo kết quả hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của công ty, đào tạo, du lịch, sinh nhật, cưới hỏi và các phúc lợi khác.
- Những thay đổi trong ban điều hành/*Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management in the year*).
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/*Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

3. Tình hình tài chính/*Financial situation*

a) Tình hình tài chính/*Financial situation*

Chỉ tiêu/<i>Indicators</i>	Năm/<i>Year</i> 2021	Năm/<i>Year</i> Year 2020	% tăng giảm/<i>% change</i>
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	2.966	2.162	37%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	4.827	3.836	26%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i>	1.038	544	91%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	3	2	49%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	1.042	546	91%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	823	502	64%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial indicators:*

Chỉ tiêu/<i>Indicators</i>	Năm/<i>Year</i> 2021	Năm/<i>Year</i> 2020	Ghi chú/<i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i>			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	1,0	1,17	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i>			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <i>Short term Debt</i>	0,96	0,78	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,55	0,63	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)			

	1,25	1,73	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)</i>	8,47	10,17	
+ Vòng quay tổng tài sản/ <i>Total asset turnover: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (Net revenue/Average Total Assets)</i>	1,88	2,31	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/Net revenue Ratio</i>)	0,17	0,13	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/total capital Ratio</i>)	0,62	0,63	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/Total assets Ratio</i>)	0,28	0,23	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/Net revenue Ratio</i>)	0,22	0,14	

4. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) *Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyên nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyên nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's*

Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Tổng số cổ phần: **58.945.472 cổ phần**
- Loại cổ phần đang lưu hành: **Phổ thông**
- Số lượng cổ phần chuyên nhượng tự do: **58.945.472 cổ phần**
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyên nhượng theo quy định pháp luật: **0**

b) *Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

- Cổ đông tổ chức: chiếm 49.545.253 CP; Cổ đông cá nhân: 9.400.219 CP
- Cổ đông trong nước: chiếm 57.870.721CP; Cổ đông nước ngoài: 1.074.751CP

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/Specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Đợt	Thời điểm	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị tăng (nghìn đồng)	VĐL sau khi tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn
	26/10/2005	-	40.000.000	40.000.000	▪ Góp vốn thành lập
1	15/11/2007	40.000.000	210.000.000	250.000.000	▪ Tăng vốn điều lệ bằng phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới
2	23/10/2015	250.000.000	214.450.600	464.450.600	▪ Phát hành cổ phần mới cho cổ đông hiện hữu
3	28/04/2017	464.450.600	62.000.000	526.450.600	▪ Tăng vốn điều lệ bằng phát hành cổ phần cho

Đợt	Thời điểm	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị tăng (nghìn đồng)	VĐL sau khi tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn
					cổ đông mới Nguyễn Minh Tuấn
4	23/04/2020	526.450.600	63.004.120	589.454.720	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tăng vốn điều lệ bằng phát hành 3.921.314 cổ phần cho cổ đông CTCP Blue Point và 2.379.098 cổ phần cho nhân viên Phan Văn Thắng

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*: Không có

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues*: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/*Reports and assessments of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/*the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents*:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results* :

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực tế 2020	Kế hoạch 2021	Thực tế 2021	% tăng 2021 so với 2020	% tăng 2021 so với Kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.836	5.000	4.827	26	(3)
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	546	680	1.042	91	53
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	502	530	823	64	55
EBITDA	Tỷ đồng	606	800	1,115	84	39

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, năm 2021 công ty không đạt kế hoạch doanh thu nhưng vẫn vượt kế hoạch lợi nhuận vì sử dụng hiệu quả chi phí hoặc do chưa thể thực hiện các kế hoạch khuyến mãi, tiếp thị. Tuy nhiên so với năm 2020, công ty đã tăng trưởng cả doanh thu lẫn lợi nhuận với những thành tựu nổi bật sau:

- ✓ Kun là nhãn hàng được yêu thích nhất của trẻ em trong ngành hàng sữa.
- ✓ Mạng lưới phân phối được mở rộng với khoảng 125.000 điểm bán tại tháng 12/2021.
- ✓ Gia tăng công suất khi đầu tư thêm nhiều dây chuyền sản xuất sữa hiện đại, nâng tổng công suất lên 300.000 tấn/năm
- ✓ Khởi động dự án nhà máy Bàu Bàng Bình Dương với mục tiêu tổng công suất 300.000 tấn/năm.

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/*Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

Tài sản cố định hữu hình năm 2021 tăng so với năm 2020 từ 933 tỷ lên 1.354 tỷ tương đương 45%, trong đó chủ yếu là mua máy móc, thiết bị tăng thêm nguyên giá 422 tỷ đồng.

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn đến 31/12/2021 là 526 tỷ đồng tăng 21% so cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên, tỷ số nợ trên tổng tài sản năm 2021 là 0,55 và 2020 là 0,63, điều này cho thấy công ty hoàn toàn có khả năng tự chủ tài chính.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

Đa dạng hoá sản phẩm hướng đến nhiều đối tượng người tiêu dùng khác nhau. Mở rộng phân phối đa kênh mang lại sự tiện lợi cho người tiêu dùng trong việc mua sản phẩm. Nâng cao hiệu

quả sản xuất để giảm tác động chi phí đầu vào tăng cao. Nâng cao năng lực quản trị, số hoá, hướng đến môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp ngang tầm quốc tế.

IV. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of*

Directors:

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
Tô Hải	Chủ tịch HĐQT	0
Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	5
Đình Quang Hoàn	Thành viên HĐQT	0
Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên HĐQT	0
Đoàn Hữu Nguyên	Thành viên HĐQT	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Directors:* (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors:* đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01-21/NQ-HĐQT/IDP	01/03/2021	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP đầu tư Bản Việt	100%
2	03-21/NQ-HĐQT/IDP	15/03/2021	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam-CN Bến Nghé	100%
3	04-21/NQ-HĐQT/IDP	10/04/2021	Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	100%
4	05/2021/NQ HĐQT	21/05/2021	Triển khai tổ chức ĐHCĐ thường niên 2021	100%
5	09/2021/NQ HĐQT	05/07/2021	Tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2021	100%

6	10/2021/NQ HĐQT	17/08/2021	Triển khai tổ chức ĐHCĐ bất thường 2021	100%
7	11/2021/NQ HĐQT	01/12/2021	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương- CN TP.HCM	100%

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*The list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

Họ và tên	Chức vụ	Chứng chỉ
Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
1	Bà Hoàng Ngọc Triều Dương	Trưởng ban	0	12/01/2022
2	Bà Tôn Minh Phương	Kiểm soát viên	0	24/08/2020
3	Ông Trương Ngọc Hoài Phương	Kiểm soát viên	0	24/08/2020

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee*: Không có

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng

hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*): Không có

V. Báo cáo tài chính/*Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

Theo ý kiến của kiểm toán, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided*).

Nơi nhận:

Recipients:

-

- Lưu: VT,...

- Archived:.....

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY**

**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đặng Phạm Minh Loan